

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng thuê
mướn tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T Ch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng thuê mướn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86A/2022 ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Nhập Xuất Khẩu Đ Tr.

Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 329, khóm Vĩnh Ch, phường V Ng, thành phố Ch Đ, tỉnh A Gi

Bà Dương Thị C ủy quyền cho ông Trần Văn Tr, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Khóm 1, phường 1, thị xã G R, tỉnh B L làm đại diện theo ủy quyền ngày 06/01/2021 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn Ch, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi Cư trú: Tổ 6, ấp 2, xã V X, thị xã T Ch, tỉnh A Gi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị T Nh, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ 6, ấp 2, xã V X, thị xã T Ch, tỉnh A Gi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/4/2021, các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, ông Trần Văn Tr trình bày:

Vào ngày 29/01/2021 Công ty TNHH XNK Đ Tr do ông Trần Văn Tr (Bên A) đại diện có ký hợp đồng thuê sà lan với ông Võ Văn Ch (Bên B) theo hợp đồng số 03 ngày 29/01/2021

Nội dung hợp đồng:

Điều 1: Bên A đồng ý thuê và bên B đồng ý cho thuê sà lan mang biển số kiểm soát số CT 07660, đăng kiểm số V65 01940 ngày 01/4/2020 tại Cần Thơ.

Điều 2: Giá thuê 110.000.000đồng/tháng.

Điều 3: Thời hạn thuê: Thời gian thuê và cho thuê là 10 tháng kể từ ngày 17/02/2021.

Điều 4: phương thức thanh toán

+ Bên A thanh toán tiền thuê cho bên cho thuê trước đầu mỗi tháng bằng tiền mặt (hoặc chuyển khoản).

+ Bên B có trách nhiệm đảm bảo tính pháp lý của sà lan trong suốt quá trình hoạt động.

+ Trang bị đầy đủ thiết bị phù hợp với công năng của sà lan là giao nhận và vận chuyển vật liệu xây dựng.

Điều 5: Xử lý tình huống không mong đợi.

Trong quá trình hoạt nếu sà lan hư hỏng sửa chữa lật vớt từ 1.000.000đ trở xuống thì bên A chịu, trên 1.000.000đồng thì bên chủ sà lan chịu.

Thời gian khắc phục hư hỏng, sửa chữa trong vòng 24 giờ thì bên A vẫn tính tiền thuê. Nếu khắc phục sửa chữa trên 24 giờ thì bên cho thuê hoàn lại tiền thuê cho bên A tương đương với số này phương tiện ngưng hoạt động.

Tuy nhiên việc hư hỏng sửa chữa này không quá 03 (ba) lần/tháng, nếu quá 03 (ba) lần thì bên A được quyền yêu cầu bên B thay phương tiện khác tương đương với tải Tr và công năng của phương tiện đã thuê.

Điều khoản chung:

Hai bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký. Nếu có gì thay đổi thì phải thỏa thuận bàn bạc với bên kia để ký phụ lục hợp đồng. Còn đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ bồi thường gấp đôi số tiền thuê hàng tháng mà 02 bên đã ký kết.

Sau khi làm hợp đồng thì phía Công ty TNHH XNK Đ Tr có đưa cho ông Ch và bà Nh (vợ ông Ch) số tiền thuê sà lan 100.000.000đ, số tiền còn lại là 10.000.000đ thỏa thuận sau khi nhận sà lan sẽ đưa sau. Đến ngày 31/01/2021 ông mới nhận được sà lan, sau đó sà lan không nổ máy thì ông kêu anh Th là lính của ông Ch báo lại với ông Ch, thì ông Ch mới điện thoại cho ông kêu ông xuất tiền mua bình nữa tính lại với ông Ch sau. Sau đó ông có đưa tiền cho anh T làm trong công ty ông số tiền là 5.500.000đ để đi mua 01 cặp bình (loại bình

gì ông không rõ), sau đó thì sà lan chở cát của Công ty chạy đến tỉnh S Tr thì chủ sà lan là ông Ch chặn lấy sà lan lại. Sau đó ông Ch bắt buộc ông phải quay sà lan về C Th chứ không cho ông bán cát tại tỉnh S Tr, làm cho Công ty phải đổ thêm 11.500.000đ tiền dầu, tiền trạm 3.800.000đồng, ngoài ra ông Ch còn điện thoại cho ông kêu ông cho Th mượn 1.000.000đ để làm chi phí đi về, đồng thời qua C Thông bán cát bị lỗ 10.000.000đ. Sau đó thì giữa ông với ông Ch gặp nhau hai bên mới thỏa thuận thương lượng, ông Ch nói sự việc xảy ra ông Ch cũng bị lỗ nên kêu ông chịu tiếp 10.000.000đ, ông đồng ý bỏ các khoản chi phí tiền mua bình, tiền dầu, tiền trạm, tiền cho Th mượn, tiền bán cát bị lỗ, ông chỉ yêu cầu ông Ch, bà Nh có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền thuê sà lan đã đưa là 100.000.000đ. Sau khi thỏa thuận thì phía ông Ch, bà Nh có chuyển trả cho ông được 04 lần:

Lần 1 (không nhớ ngày tháng chỉ nhớ năm 2021): Chuyển số tiền 20.000.000đ.

Lần 2 (không nhớ ngày tháng chỉ nhớ năm 2021): Chuyển số tiền 20.000.000đ.

Lần 3 (không nhớ ngày tháng chỉ nhớ năm 2021): Chuyển số tiền 10.000.000đ.

Lần 4: vào ngày 24/3/2021, chuyển số tiền 34.000.000đ.

Tổng cộng là 84.000.000đ.

Nay phía ông Ch và bà Nh còn nợ lại Công ty số tiền là 16.000.000đ. Ông yêu cầu ông Ch và bà Nh có trách nhiệm liên đới trả lại cho Công ty TNHH XNK Đ Tr số tiền là 16.000.000đ.

- Bị đơn ông Võ Văn Ch trình bày: Ông thống nhất theo nội dung của ông Tr trình bày về hợp đồng thuê sà lan, số tiền thuê, số tiền ông Tr đưa là 100.000.000đ và ông cũng thống nhất số tiền mà phía bên ông đã chuyển trả cho ông Tr là 84.000.000đ. Tuy nhiên khi thỏa thuận thì nội dung không giống như ông Tr trình bày. Lúc hai bên thỏa thuận để trả lại số tiền thuê sà lan, lúc này có anh, chị Nh, ông Tr, anh T, anh Lý và ông M Ch (là chủ sà lan). Lúc này ông Ch mới nói tiền sửa máy sau khi lấy sà lan lại là 28.000.000đ, anh với ông Tr mới thỏa thuận chia đôi số tiền 28.000.000đ, mỗi bên chịu một nửa là 14.000.000đ, ông Tr cũng đồng ý nên ông mới chuyển tiền trả cho ông Tr như trên. Khi các bên thỏa thuận với nhau chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ. Nay ông đã trả đủ tiền cho ông Tr. Ông không đồng ý trả 16.000.000đ theo yêu cầu của ông Tr.

- Bà Huỳnh Thị T Nh là vợ của ông Võ Văn Ch thống nhất theo lời trình bày của ông Võ Văn Ch, bà không bổ sung gì thêm. Nay bà đã trả đủ tiền cho ông Tr. Bà không đồng ý trả 16.000.000đ theo yêu cầu của ông Tr.

- Ông Trần Văn Tr cho rằng theo lời trình bày của ông Ch là không đúng. Vì lúc đó ông Ch có kêu ông chịu tiếp số tiền sửa máy là 28.000.000đ, ông

không có đồng ý về khoản đó, vì khi giao trả sà lan thì sà lan không có bị hư vẫn chạy được bình thường.

Trong quá trình hoà giải Toà án có ra quyết định số 32/2022/QĐ-CCTLCC ngày 31/5/2022 yêu cầu ông Ch cung cấp cho Toà án họ, tên, năm sinh, địa chỉ của anh T, anh Lý và ông M Ch để Toà án xác minh, thu thập chứng cứ nhưng ông Ch không cung cấp được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, Điều 472 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Văn Ch và bà Huỳnh Thị T Nh phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH Nhập Xuất Khẩu Đ Tr số tiền 16.000.000 đồng và buộc ông Ch, bà Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Công ty TNHH Nhập Xuất Khẩu Đ Tr khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê mượn tài sản với ông Võ Văn Ch và bà Huỳnh Thị T Nh; cùng địa chỉ: xã V X, thị xã T Ch, tỉnh A Gi. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T Ch theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T Nh đã được Tòa án nhân dân thị xã T Ch triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hợp đồng thuê sà lan: Vào ngày 29/01/2021 Công ty TNHH XNK Đ Tr có ký hợp đồng thuê sà lan với ông Võ Văn Ch theo hợp đồng số 03 ngày 29/01/2021, thuê sà lan mang biển số kiểm soát số CT 07660, đăng kiểm số V65 01940 ngày 01/4/2020 tại C Thới giá 110.000.000đ/tháng. Thời hạn thuê là 10 tháng kể từ ngày 17/02/2021. Sau khi làm hợp đồng thì phía Công ty TNHH

XNK Đ Trcó đưa cho ông Ch, bà Nh (vợ ông Ch) số tiền thuê sà lan là 100.000.000đ, số tiền còn lại là 10.000.000đ thỏa thuận sau khi nhận sà lan sẽ đưa sau. Nội dung hợp đồng đã ghi rõ các điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, chiếc sà Lan mà ông Ch cho Công ty TNHH XNK Đ Tr thuê, ông Ch không phải là chủ sở hữu, mà chủ sở hữu tài sản là ông Ch. Ông Ch chỉ là người thuê sà lan của ông Ch và ông cho Công ty Đ Tr thuê lại. Ông Ch không đưa ra được hợp đồng thuê sà lan giữa ông và ông Ch xem trong hợp đồng ông Ch có quyền cho thuê lại hay không thì ông không chứng minh được. Do đó HĐXX xét hợp đồng thuê sà lan ngày 29/01/2021 giữa Công ty TNHH XNK Đ Tr và anh Võ Văn Ch là vô hiệu. Ông Ch, bà Nh phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH XNK Đ Tr số tiền đã nhận là 100.000.000đ. Tuy nhiên, ông Ch, bà Nh đã chuyển trả cho Công ty TNHH XNK Đ Tr được 04 lần với tổng số tiền là 84.000.000đ. Còn lại 16.000.000đ ông Ch và bà Nh phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Công ty TNHH XNK Đ Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 288, Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với phần thiệt hại do ông Tr đại diện Công ty TNHH XNK Đ Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của phía bị đơn cho rằng sau khi lấy sà lan lại ông Ch nói sà lan bị hư phải sửa chữa là 28.000.000đ, ông và ông Tr mới thỏa thuận chia đôi số tiền 28.000.000đ, mỗi bên chịu một nửa là 14.000.000đ, ông Tr cũng đồng ý. Ông Tr không thừa nhận và ông Ch không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Mặc khác trong quá trình hoà giải ông Ch khai lúc hai bên thỏa thuận có anh T, anh Lý và ông M Ch chứng kiến. Toà án có ra quyết định số 32/2022/QĐ-CCTLCC ngày 31/5/2022 yêu cầu ông Ch cung cấp cho Toà án họ, tên, năm sinh, địa chỉ của anh T, anh Lý và ông M Ch để Toà án xác minh, thu thập chứng cứ nhưng ông Ch không cung cấp được. Hội đồng xét xử xét, sau khi Công ty TNHH XNK Đ Tr nhận sà lan chỉ có một ngày thì đã bị chủ sà lan lấy lại và sà lan vẫn chạy được bình thường. Nếu sà lan bị hư thì phía ông Ch phải chứng minh được hư như thế nào và sửa chữa ở đâu, số tiền cụ thể là bao nhiêu nhưng ông Ch không chứng minh được nên Hội đồng xét xử, xét không chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn.

[2] Về án phí, ông Ch, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. .

Công ty TNHH XNK Đ Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty TNHH XNK Đức Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH XNK Đức Tr;

Buộc ông Võ Văn Ch và bà Huỳnh Thị T Nh phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH XNK Đ Tr số tiền 16.000.000đ (M sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Ch và bà Huỳnh Thị T Nh phải chịu 800.000đ (T trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Đ Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty TNHH XNK Đ Tr 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002387 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Ch.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Ch;
- Chi cục THADS TX. Tân Ch;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan

